

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Liêm

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị H, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

- *Bị đơn:* anh Phạm Văn L, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

(chị H, anh L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 23-10-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phạm Văn L tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã Đôn Thuận, Trảng Bàng, Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc, 01 cặp nhẫn, tất cả là 13 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng bán làm vốn hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chị, cả hai đi làm công nhân. Vợ chồng sống đến ngày 30-4-2020 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, anh L uống rượu về vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau, anh L bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh L cũng có về

nhà khi có đám tiệc, anh có nói chuyện để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng chị không đồng ý. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, và cũng đã sống ly thân với nhau từ ngày 30-4-2020 nên chị xin ly hôn với anh L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 26-12-2023 chị có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-5-2024, bị đơn anh Phạm Văn L trình bày: anh và chị Lê Thị H tổ chức cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, cưới xong anh về sống chung bên vợ. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau về việc anh có ăn nhậu với bạn bè, anh giận nên bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau vào dịp đám tiệc lễ tết, nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 15-5-2024 anh có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Văn L; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị H và anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị H, anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2017, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2020, nên chị H xin ly hôn, anh L yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, vợ chồng không thông cảm cho nhau, nên hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau về việc anh L có ăn nhậu với bạn bè, anh L không giải thích cho vợ nghe mà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau bên nhà chị H vào dịp đám tiệc lễ tết, nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị xảy

ra không lớn, chưa đến mức độ trầm trọng. Tuy nhiên chị H thì không còn tin tưởng anh L về tình cảm và thời gian ly thân đã quá lâu, nên chị kiên quyết ly hôn. Anh L1 yêu cầu đoàn tụ, nhưng anh không có thiện chí hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: chị H, anh L1 khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị H chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Văn L. Chị H được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: chị H, anh L khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí*: chị Lê Thị H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015157 ngày 15-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đôn Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

